

Số: /2021/TT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Các dự án lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được thẩm định, phê duyệt thì thực hiện như sau:

a) Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

b) Đối với khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định của Thông tư này.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng TTĐT Bộ TN&MT;
- Lưu VT, PC, KH-TC, TCQLĐĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTNMT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng cho các công việc sau:

1.1. Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

1.2. Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);

1.3. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (gồm: huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

2. Đối tượng áp dụng

Định mức này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Định mức này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia; lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường;

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Quyết định số 1267/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt

4.1. Giải thích thuật ngữ

a) Tỉnh chuẩn là lãnh thổ cấp tỉnh được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Các tham số của tỉnh chuẩn được quy định tại điểm 5.1 khoản 5 Phần này.

b) Huyện chuẩn là lãnh thổ cấp huyện được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Các tham số của huyện chuẩn được quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Phần này.

4.2. Quy định từ viết tắt

Bảng số 01

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
1	Địa chính viên hạng II bậc 2	ĐCVC2
2	Địa chính viên hạng II bậc 3	ĐCVC3
3	Địa chính viên hạng III bậc 1	ĐCV1
4	Địa chính viên hạng III bậc 2	ĐCV2
5	Địa chính viên hạng III bậc 3	ĐCV3
6	Đơn vị tính	ĐVT
7	Số thứ tự	STT
8	Thời hạn sử dụng dụng cụ, máy móc, thiết bị (tháng)	Thời hạn (tháng)
9	Quy hoạch sử dụng đất	QHSDĐ

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
10	Kế hoạch sử dụng đất	KHSDĐ
11	Hội đồng nhân dân	HĐND
12	Ủy ban nhân dân	UBND
13	Tỉnh TB	Tỉnh trung bình
14	Huyện TB	Huyện trung bình

5. Hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

5.1. Định mức cho việc lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị tỉnh có hệ số quy mô diện tích $K_s=1$ (diện tích trung bình là 500.000 ha), hệ số đơn vị hành chính $K_{hc}=1$ (số đơn vị hành chính cấp huyện trung bình là 11 huyện/tỉnh), hệ số áp lực về kinh tế $K_{kt}=1$, hệ số áp lực về dân số $K_{ds}=1$, hệ số áp lực về đô thị $K_{dt}=1$.

Mức cụ thể cho từng tỉnh (MT) tính theo công thức sau:

$$M_T = M_{tb} K_{kt} K_{ds} K_s K_{hc} K_{dt}$$

Trong đó:

K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 02

GRDP bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<5,0	5,0-<6,0	6,0-<7,0	7,0-<8,0	8,0-<9,0	9,0-<10,0	≥ 10,0
<35	0,90	0,95	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20
35 - <40	0,95	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
40 - <45	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
45 - <50	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
50 - <55	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
55 - <60	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥60	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (số liệu năm định hình kế hoạch) với giá so sánh năm 2010.

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 03

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
< 110	0,70
110 - < 290	0,71 - 0,99
290 - < 350	1,00 - 1,03

Mật độ dân số trung bình (người/km²)	K_{ds}
350 - < 500	1,04 - 1,07
500 - < 700	1,08 - 1,13
700 - < 900	1,14- 1,19
900 - < 1.100	1,20 - 1,25
1.100 - < 1.300	1,26 - 1,31
1.300 - < 1.500	1,32- 1,37
≥ 1.500	1,38

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s: Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 04

Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
<100.000	0,65
100.000 - < 200.000	0,66 - 0,76
200.000 - < 300.000	0,77 - 0,86
300.000 - < 500.000	0,87 - 0,99
500.000 - < 700.000	1,00 - 1,06
700.000 - < 900.000	1,07 - 1,11
900.000 - < 1.200.000	1,12- 1,19
≥ 1.200.000	1,20

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc}: Hệ số đơn vị hành chính, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 05

Số đơn vị hành chính cấp huyện	K_{hc}
< 8	0,80
8 - <11	0,81- 0,99
11 - < 16	1,00 - 1,20
16 - < 20	1,21 - 1,40
≥ 20	1,45

Ghi chú:

- Số liệu số đơn vị hành chính cấp huyện lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

K_{dt} : Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 06

Loại đô thị của các thành phố trực thuộc TW	K_{dt}
Đô thị loại I	1,50
Đô thị đặc biệt	2,00

5.2. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị huyện có hệ số quy mô diện tích $K_s=1$ (diện tích trung bình là 50.000 ha), hệ số đơn vị hành chính $K_{hc}=1$ (số đơn vị hành chính cấp xã trung bình là 16 xã/huyện), hệ số áp lực về kinh tế $K_{kt}=1$, hệ số áp lực về dân số $K_{ds}=1$, hệ số áp lực về đô thị $K_{dt}=1$.

Mức cụ thể cho từng huyện (MH) tính theo công thức sau:

$$M_H = M_{tb} K_{kt} K_{ds} K_s K_{hc} K_{dt}$$

Trong đó:

K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau

Bảng số 07

Giá trị sản xuất bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<4,0	4,0 - <6,0	6,0 - <8,0	8,0 - <10	10- <11,0	11,0 <12,5	≥ 12,5
< 20	0,80	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10
20 - < 22	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15
22 - < 24	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20
24 - < 26	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
26 - < 28	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
28 - < 30	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
30 - < 32	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
32 - < 34	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥ 34	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với giá so sánh năm 2010.

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 08

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
< 50	0,65
50 - < 110	0,66 - 0,80
110 - < 290	0,81 - 0,99
290 - < 350	1,00 - 1,03

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K _{ds}
350 - < 600	1,04 - 1,08
600 - < 900	1,09 - 1,12
900 - < 1.200	1,13 - 1,17
1200 - < 1.500	1,18 - 1,22
≥ 1.500	1,23

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s: Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 09

Diện tích tự nhiên (ha)	K _s
<5.000	0,60
5.000 - < 10.000	0,61 - 0,75
10.000 - < 20.000	0,76 - 0,85
20.000 - < 50.000	0,86 - 0,99
50.000 - < 60.000	1,00 - 1,04
60.000 - < 90.000	1,05 - 1,10
90.000 - < 120.000	1,11 - 1,15
120.000 - < 150.000	1,16 - 1,19
≥ 150.000	1,20

Ghi chú:

- Số liệu diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số về quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc}: Hệ số đơn vị hành chính, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 10

Số đơn vị hành chính cấp xã	K _{hc}
< 10	0,80
10 - < 16	0,81 - 0,99
16 - < 20	1,00 - 1,15
20 - < 25	1,16 - 1,25
25 - < 30	1,26 - 1,35
30 - < 35	1,36 - 1,45
≥ 35	1,50

Ghi chú:

- Số liệu về số đơn vị hành chính cấp xã lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

K_{dt} : Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 11

Loại đô thị	K_{dt}
Các quận, thị xã, thành phố thuộc đô thị đặc biệt	1,30
Các quận thuộc đô thị loại I, các đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh	1,25
Các đô thị khác	1,20

6. Các quy định khác

6.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm các định mức thành phần sau:

6.1.1. Định mức lao động: Là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

- Nội dung công việc: Liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

- Định biên: Xác định số lượng và cấp bậc lao động kỹ thuật cụ thể phù hợp với yêu cầu thực hiện của từng nội dung công việc theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Định mức: Quy định thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm (thực hiện bước công việc) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm; ngày công (ca) tính bằng 08 giờ làm việc.

6.1.2. Định mức sử dụng vật liệu, dụng cụ và thiết bị

- Định mức sử dụng vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một công việc); đơn vị tính theo đơn vị của từng loại vật liệu/đơn vị sản phẩm.

- Định mức sử dụng dụng cụ và thiết bị: là thời gian sử dụng dụng cụ và thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc); thời hạn sử dụng dụng cụ và thiết bị tính là tháng.

- Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất và định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị và được tính theo công thức:

Định mức điện = (Công suất thiết bị/giờ x 08 giờ làm việc x số ca sử dụng thiết bị) + 5% hao hụt.

- Định mức cho các dụng cụ có giá trị thấp được tính bằng 5% định mức dụng cụ được tính tại bảng định mức dụng cụ.

- Định mức vật liệu có giá trị thấp được tính bằng 8% định mức vật liệu được tính tại bảng định mức vật liệu.

6.2. Định mức này chỉ quy định mức cho các hoạt động trực tiếp lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các hoạt động lập nhiệm vụ; quản lý chung; kiểm tra, nghiệm thu; các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ sẽ được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường.

7. Trong quá trình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

Phần II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Chương I

LẬP, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA

Mục 1

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU QUỐC GIA

1.1. Định mức lao động

1.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa về kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia

1. Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.

a) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

b) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.

c) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.

d) Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

2. Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung.

a) Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.

b) Điều tra, khảo sát thực địa.

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

3. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

4. Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước

1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

b) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

- c) Bài học kinh nghiệm.
- 2. Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất.
- 3. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.
- 4. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề và bản đồ sau hội thảo.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia

- 1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.
- 2. Xác định diện tích các loại đất trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo từng thời kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm.
- 3. Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cho từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- 4. Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất 5 năm đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- 5. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- 6. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- 7. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và khoản 1, khoản 2 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.
- 8. Dự kiến các nguồn thu, chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất.
- 9. Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.
 - a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.
 - b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.
 - c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.
 - d) Các giải pháp khác.
- 10. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia và bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.

11. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

12. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 4. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

3. Hoàn thiện bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia sau hội thảo. chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Chính phủ.

5. Dự thảo các văn bản trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.

6. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.

1.1.2. Định mức

Bảng số 12

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa về kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia			
1	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.			
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	117	
b	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	39	
c	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	63	56
d	Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	40	

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
2	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung.			
a	Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		12
b	Điều tra, khảo sát thực địa.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		63
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		20
3	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	41	
4	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	33	
Bước 2	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ trước			
1	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.			
a	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	30	
b	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	18	
c	Bài học kinh nghiệm.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	3	
2	Phân tích, đánh giá kết quả chuyên mục đích sử dụng đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	51	
3	Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	51	
4	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước; chỉnh sửa báo cáo và bản đồ sau hội thảo			
a	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ¹ và chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	190	

1. Định mức tại điểm a, khoản 4, Bước 2 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
b	Xây dựng bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước và chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	600	60
Bước 3	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia			
1	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	150	
2	Xác định diện tích các loại đất trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo từng thời kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	54	
3	Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cho từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	54	
4	Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất 05 năm đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	90	
5	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	90	
6	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
7	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và các khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	60	48
8	Dự kiến các nguồn thu, chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	60	
9	Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	26	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	28	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	14	
d	Các giải pháp khác.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	11	

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
10	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia và bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.			
a	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	600	60
b	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ² ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	500	50
11	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	106	
12	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ³ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	190	
Bước 4	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	432	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
3	Hoàn thiện bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	90	10
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Chính phủ.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	173	
5	Dự thảo các văn bản trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	24	
6	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia.	1 (1ĐCV3)	5	

2. Định mức tại điểm b, khoản 10, Bước 3 được tính cho 05 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

3. Định mức tại khoản 12, Bước 3 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

1.2. Định mức thiết bị

Bảng số 13

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/cả nước)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	11	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	11	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	3	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	28	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	7	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	8	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	80	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	11.160	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	12.440	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	1.724	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	18	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		635
13	Máy tính bảng	Cái	60	0,5		635
14	Máy phôtô	Cái	96	1,5	31	
15	Điện năng	Kw			102.386	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	6,79	51,12
Bước 2	23,18	16,40
Bước 3	49,89	30,07
Bước 4	20,14	2,41

1.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 14

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/cả nước)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	12.416	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	12.416	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	18.624	
4	Ghế máy tính	Cái	96	18.624	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/cả nước)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
5	Chuột máy tính	Cái	12	18.624	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	18	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	18	
8	Máy tính casio	Cái	60	3.104	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	5.173	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	5.173	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	18.624	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	12		2.539
13	Quần áo mưa	Bộ	12		2.539
14	Ba lô	Cái	24		2.539
15	Đồng hồ treo tường	Cái	60	1.035	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.035	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	18.624	
18	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	1.724	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	1.035	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	5.173	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	2.587	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		1.270
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		1.270
24	Sạc pin	Cái	12		635
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	12		5.078
26	Máy tính bảng	Cái	60		635
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	5.173	
28	Điện năng	Kw		47.654	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	6,79	51,12
Bước 2	23,18	16,40
Bước 3	49,89	30,07
Bước 4	20,14	2,41

1.4. Định mức vật liệu

Bảng số 15

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	301	
2	USB (32G)	Cái	112	
3	Bút dạ màu	Bộ	50	95
4	Bút nhớ dòng	Cái	50	114
5	Bút bi nước My gel	Cái	100	2.358
6	Mực in A3 Laser	Hộp	8	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	100	
8	Mực in màu A4	Hộp	25	
9	Mực in màu A3	Hộp	20	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	13	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	4	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	8	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	7	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	19	
15	Mực phô tô	Hộp	220	
16	Sổ ghi chép	Cuốn	85	900
17	Giấy A3	Gram	56	
18	Giấy A4	Gram	1.129	
19	Giấy in A0	Cuộn	64	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	6,79	51,12
Bước 2	23,18	16,40
Bước 3	49,89	30,07
Bước 4	20,14	2,41

Mục 2

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI QUỐC GIA

2.1. Định mức lao động

2.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa về kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

a) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

b) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.

c) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.

d) Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

2. Điều tra, khảo sát thực địa.

a) Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.

b) Điều tra, khảo sát thực địa.

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

3. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

4. Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.

c) Phân tích hiện trạng môi trường.

d) Đánh giá chung.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- a) Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.
- b) Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.
- c) Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.
- d) Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

đ) Đánh giá chung.

3. Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

a) Nước biển dâng, xâm nhập mặn.

b) Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.

4. Lập bản đồ theo các chuyên đề; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.

5. Xây dựng các báo cáo chuyên đề; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước

1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

a) Tình hình thực hiện.

b) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

c) Bài học kinh nghiệm.

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.

a) Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

b) Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

c) Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

d) Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

b) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

c) Bài học kinh nghiệm.

4. Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất.

5. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

7. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất kỳ trước quốc gia; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề, bản đồ sau hội thảo.

Bước 4. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

2. Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu chưa thực hiện để xem xét đưa vào kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

3. Xác định diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất 5 năm.

4. Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại khoản 3, Bước này đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.

5. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.

6. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.

7. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và khoản 1, khoản 2 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

8. Dự kiến các nguồn thu, chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

9. Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

d) Các giải pháp khác.

10. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia và bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.

11. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

12. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 5. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.
2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.
3. Hoàn thiện bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.
4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Chính phủ.
5. Dự thảo các văn bản trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.
6. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.

2.1.2. Định mức

Bảng số 16

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa về kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.			
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	117	
b	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	39	
c	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	63	56
d	Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	40	
2	Điều tra, khảo sát thực địa.			

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
a	Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		12
b	Điều tra, khảo sát thực địa.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		63
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		20
3	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	41	
4	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	33	
Bước 2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
c	Phân tích hiện trạng môi trường.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
d	Đánh giá chung.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.			
a	Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
b	Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
c	Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
d	Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
đ	Đánh giá chung.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	13	
3	Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.			
a	Nước biển dâng, xâm nhập mặn.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	7	
b	Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	7	

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
4	Lập bản đồ theo các chuyên đề ⁴ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	700	70
5	Xây dựng các báo cáo chuyên đề ⁵ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	76	
Bước 3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước			
1	Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.			
a	Tình hình thực hiện.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	18	
b	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	12	
c	Bài học kinh nghiệm.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	6	
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.			
a	Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	12	
b	Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	18	
c	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	9	
d	Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	6	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.			
a	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	30	
b	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	18	

4. Định mức khoản 4, Bước 2 được tính cho 07 bản đồ chuyên đề (Bản đồ thổ nhưỡng; Bản đồ phân vùng khí hậu; Bản đồ tài nguyên nước; Bản đồ tài nguyên rừng; Bản đồ phân bố dân cư; Bản đồ phân bố các khu công nghiệp và đô thị; Bản đồ cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi). Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

5. Định mức tại khoản 5, Bước 2 được tính cho 02 báo cáo chuyên đề (Báo cáo chuyên đề đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng cảnh quan môi trường; Báo cáo chuyên đề đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng đất). Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

Trường hợp, Lập kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đồng thời cùng quy hoạch sử dụng đất (không quá 12 tháng) thì xác định số lượng bản đồ chuyên đề và báo cáo chuyên đề được kế thừa. Định mức tại khoản 4, khoản 5, Bước 2 chỉ tính cho các sản phẩm không được kế thừa.

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
c	Bài học kinh nghiệm.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	3	
4	Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	51	
5	Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	51	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	265	
7	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất kỳ trước quốc gia; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề, bản đồ sau hội thảo.			
a	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ⁶ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	190	
b	Xây dựng bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất kỳ trước quốc gia; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	600	60
Bước 4	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia			
1	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	150	
2	Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu chưa thực hiện để xem xét đưa vào kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	54	
3	Xác định diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất 5 năm.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	54	
4	Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại khoản 3, Bước này đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	90	

6. Định mức tại điểm a, khoản 7, Bước 3 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
5	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	90	
6	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
7	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và khoản 1, khoản 2 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	60	48
8	Dự kiến các nguồn thu, chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	60	
9	Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	26	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	28	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	14	
d	Các giải pháp khác.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	11	
10	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia và bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.			
a	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	600	60
b	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ⁷ ; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	500	50

7. Định mức tại điểm b, khoản 10, Bước 4 được tính cho 05 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Danh mục công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
11	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	106	
12	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ⁸ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	190	
Bước 5	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	432	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
3	Hoàn thiện bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	90	10
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Chính phủ.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	173	
5	Dự thảo các văn bản trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	24	
6	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia.	1 (1ĐCV3)	5	

2.2. Định mức thiết bị

Bảng số 17

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/cả nước)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	3	
2	Máy in A4	Cái	60	0,35	25	
3	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	7	
4	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	8	
5	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	80	

8. Định mức tại khoản 12, Bước 4 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/cả nước)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
6	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	11.728	
7	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	17.340	
8	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	2.049	
9	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	18	
10	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		550
11	Máy tính bảng	Cái	60	0,5		550
12	Máy phô tô	Cái	96	1,5	42	
13	Điện năng	Kw			44.279	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	5,28	31,38
Bước 2	17,11	16,46
Bước 3	23,18	14,16
Bước 4	38,78	35,93
Bước 5	15,65	2,07

2.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 18

STT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/cả nước)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	14.754	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	14.754	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	22.132	
4	Ghế máy tính	Cái	96	22.132	
5	Chuột máy tính	Cái	12	22.132	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	18	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	18	
8	Máy tính casio	Cái	60	3.689	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	6.148	

STT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/cả nước)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	6.148	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	22.132	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	12		2.199
13	Quần áo mưa	Bộ	12		2.199
14	Ba lô	Cái	24		2.199
15	Đồng hồ treo tường	Cái	60	1.230	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.230	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	22.132	
18	Máy hút âm 2 KW	Cái	60	2.049	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	1.230	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	6.148	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	3.074	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		1.100
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		1.100
24	Sạc pin	Cái	12		550
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	12		4.398
26	Máy tính bảng	Cái	60		550
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	6.148	
28	Điện năng	Kw		56.635	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	5,28	31,38
Bước 2	17,11	16,46
Bước 3	23,18	14,16
Bước 4	38,78	35,93
Bước 5	15,65	2,07

2.4. Định mức vật liệu

Bảng số 19

STT	Vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	301,00	
2	USB (32G)	Cái	112,00	
3	Bút dạ màu	Bộ	50,00	95,00
4	Bút nhớ dòng	Cái	50,00	114,00
5	Bút bi nước My gel	Cái	100,00	2.358,00
6	Mực in A3 Laser	Hộp	8,00	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	89,50	
8	Mực in màu A4	Hộp	25,00	
9	Mực in màu A3	Hộp	20,00	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	12,80	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	4,00	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	8,00	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	7,00	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	19,00	
15	Mực phôi tô	Hộp	200,00	
16	Sổ ghi chép	Cuốn	85,00	900,00
17	Giấy A3	Gram	56,00	
18	Giấy A4	Gram	1.029,00	
19	Giấy in A0	Cuộn	64,00	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8,00	8,00

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	5,28	31,38
Bước 2	17,11	16,46
Bước 3	23,18	14,16
Bước 4	38,78	35,93
Bước 5	15,65	2,07

Mục 3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA

3.1. Định mức lao động

3.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia

1. Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa.

a) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

b) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất trong kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

c) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.

d) Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung thông tin, tài liệu.

2. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu và lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.

3. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

a) Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.

b) Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

c) Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

4. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất.

a) Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

b) Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

6. Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất quốc gia.

7. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

8. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 2. Xây dựng điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia

1. Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh, bổ sung để đưa vào kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

2. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

3. Xác định diện tích các loại đất trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại khoản 3, Bước này đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.

5. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.

6. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.

7. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và khoản 1, khoản 2 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

8. Dự kiến các nguồn thu, chi từ đất theo điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

9. Xây dựng các giải pháp thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

d) Các giải pháp khác.

10. Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia và bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.

11. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

12. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

3. Hoàn thiện bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Chính phủ.

5. Dự thảo các văn bản trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

6. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

3.1.2. Định mức

Bảng số 20

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia			
1	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa.			
a	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (1ĐCVC3, 5ĐCV3)	45	
b	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất trong kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (1ĐCVC3, 5ĐCV3)	22	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghề nghiệp	Ngoại nghề nghiệp
c	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.	6 (1ĐCV3, 5ĐCV3)	63	
d	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung thông tin, tài liệu.	7 (1ĐCV3, 6ĐCV3)		28
2	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu và lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	52	
3	Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.			
a	Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	20	
b	Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	25	
c	Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	20	
4	Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất.			
a	Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	16	
b	Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	25	
5	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	26	
6	Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	41	
7	Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	41	
8	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ⁹ ; chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	190	

9. Định mức tại khoản 8, Bước 1 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy..

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
Bước 2	Xây dựng điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia			
1	Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh, bổ sung để đưa vào kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	42	
2	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	105	
3	Xác định diện tích các loại đất trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	42	
4	Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại khoản 3, Bước này đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
5	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
6	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	18	
7	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và các khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	48	36
8	Dự kiến các nguồn thu chi từ đất theo điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	42	
9	Xây dựng các giải pháp thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	26	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	28	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	14	
d	Các giải pháp khác.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	11	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghệ	Ngoại nghệ
10	Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia và bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.			
a	Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	200	20
b	Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ¹⁰ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	500	50
11	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV3, 5ĐCV3)	106	
12	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ¹¹ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	190	
Bước 3	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	432	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	72	
3	Hoàn thiện bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	6 (2ĐCV3, 4ĐCV3)	45	5
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Chính phủ.	7 (3ĐCV3, 4ĐCV3)	173	

10. Định mức tại điểm b, khoản 10, Bước 2 được tính cho 05 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

11. Định mức tại khoản 12, Bước 2 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
5	Dự thảo các văn bản trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	7 (3ĐCVC3, 4ĐCV3)	24	
6	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.	1 (1ĐCV3)	5	

3.2. Định mức thiết bị

Bảng số 21

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/cả nước)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	2	
2	Máy in A4	Cái	60	0,35	17	
3	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	7	
4	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	8	
5	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	80	
6	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	8.446	
7	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	4.470	
8	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	1.030	
9	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	14	
10	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		49
11	Máy tính bảng	Cái	60	0,5		49
12	Máy photô	Cái	96	1,5	24	
13	Điện năng	Kw			44.279	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	19,32	36,04
Bước 2	53,50	56,16
Bước 3	27,18	7,80

3.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 22

STT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/cả nước)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	7.418	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	7.418	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	11.128	
4	Ghế máy tính	Cái	96	11.128	
5	Chuột máy tính	Cái	12	11.128	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	14	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	14	
8	Máy tính casio	Cái	60	1.855	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	3.091	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	3.091	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	11.128	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	12		196
13	Quần áo mưa	Bộ	12		196
14	Ba lô	Cái	24		196
15	Đồng hồ treo tường	Cái	60	618	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	618	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	11.128	
18	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	1.030	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	618	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	3.091	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	1.546	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		98
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		98
24	Sạc pin	Cái	12		49
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	12		392
26	Máy tính bảng	Cái	60		49

STT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/cả nước)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	3.091	
28	Điện năng	Kw		28.467	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	19,32	36,04
Bước 2	53,50	56,16
Bước 3	27,18	7,80

3.4. Định mức vật liệu

Bảng số 23

STT	Vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng (tính cho cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	301	
2	USB (32G)	Cái	112	
3	Bút dạ màu	Bộ	50	95
4	Bút nhớ dòng	Cái	50	114
5	Bút bi nước My gel	Cái	100	510
6	Mực in A3 Laser	Hộp	5	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	60	
8	Mực in màu A4	Hộp	25	
9	Mực in màu A3	Hộp	20	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	13	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	4	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	8	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	7	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	19	

STT	Vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng (tính cho cả nước)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
15	Mực phôi tô	Hộp	175	
16	Sổ ghi chép	Cuốn	85	900
17	Giấy A3	Gram	50	
18	Giấy A4	Gram	870	
19	Giấy in A0	Cuộn	64	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia	100,00	100,00
Bước 1	19,32	36,04
Bước 2	53,50	56,16
Bước 3	27,18	7,80

Chương II

LẬP, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

Mục 1

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

1.1. Định mức lao động

1.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

a) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.

b) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.

c) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.

d) Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

2. Điều tra, khảo sát thực địa.

a) Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.

b) Điều tra, khảo sát thực địa.

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

3. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

4. Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.

c) Phân tích hiện trạng môi trường.

d) Đánh giá chung.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

a) Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

b) Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.

c) Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.

d) Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

đ) Đánh giá chung.

3. Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

a) Nước biển dâng, xâm nhập mặn.

b) Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.

4. Lập bản đồ theo các chuyên đề; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.

5. Xây dựng các báo cáo chuyên đề; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước

1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.

- a) Tình hình thực hiện.
 - b) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.
 - c) Bài học kinh nghiệm.
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.
- a) Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.
 - b) Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.
 - c) Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.
 - d) Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân.
3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.
- a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.
 - b) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.
 - c) Bài học kinh nghiệm.
4. Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất.
5. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.
6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.
7. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề, bản đồ chuyên đề sau hội thảo.

Bước 4. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.
2. Xác định diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất 5 năm.
 - a) Xác định diện tích các loại đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia trên địa bàn tỉnh.
 - b) Xác định diện tích các loại đất do cấp tỉnh xác định.
3. Xác định diện tích các loại đất theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh trong thời kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

4. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

5. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

6. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đầu tư quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

7. Dự kiến các nguồn thu chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

8. Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

9. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và bản đồ chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.

10. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

11. Xây dựng báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 5. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

3. Hoàn thiện bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ kế hoạch sử dụng đất sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Dự thảo các văn bản trình duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

6. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

1.1.2. Định mức

Bảng 24

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.			
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	64	
b	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	39	
c	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	33	15
d	Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	56	
2	Điều tra, khảo sát thực địa.			
a	Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	5 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 2ĐCV2)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 2ĐCV2)		11
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 2ĐCV2)		3
3	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	39	
4	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	31	
Bước 2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích hiện trạng môi trường.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
d	Đánh giá chung.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.			
a	Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	9	
b	Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
c	Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
d	Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
đ	Đánh giá chung.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
3	Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.			
a	Nước biển dâng, xâm nhập mặn.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	11	
b	Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	12	
4	Lập bản đồ theo các chuyên đề ¹² ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	6 (1ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	105	14
5	Xây dựng các báo cáo chuyên đề ¹³ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	

12. Định mức tại khoản 4, Bước 2 được tính cho 07 bản đồ chuyên đề (Bản đồ thổ nhưỡng; Bản đồ phân vùng khí hậu; Bản đồ tài nguyên nước; Bản đồ tài nguyên rừng; Bản đồ phân bố dân cư; Bản đồ phân bố các khu công nghiệp và đô thị; Bản đồ cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi). Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

13. Định mức tại khoản 5, Bước 2 được tính cho 02 báo cáo chuyên đề (Báo cáo chuyên đề đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng cảnh quan môi trường; Báo cáo chuyên đề đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng đất). Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

Trường hợp, Lập kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đồng thời cùng quy hoạch tỉnh (không quá 12 tháng) thì xác định số lượng bản đồ chuyên đề và báo cáo chuyên đề được kế thừa. Định mức tại khoản 4, khoản 5, Bước 2 chỉ tính cho các sản phẩm không được kế thừa.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tính TB)	
			Nội nghệp	Ngoại nghệp
Bước 3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước			
1	Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.			
a	Tình hình thực hiện.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	7	
b	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	7	
c	Bài học kinh nghiệm.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	6	
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất			
a	Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
b	Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
d	Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.			
a	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	20	
b	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	9	
c	Bài học kinh nghiệm.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	9	
4	Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	38	
5	Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia kỳ trước.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	38	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	9	
7	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề, bản đồ chuyên đề sau hội thảo.			
a	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ¹⁴ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	294	
b	Xây dựng bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ trước; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	45	5
Bước 4	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
1	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	32	
2	Xác định diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất 5 năm.			
a	Xác định diện tích các loại đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia trên địa bàn tỉnh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
b	Xác định diện tích các loại đất do cấp tỉnh xác định.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
3	Xác định diện tích các loại đất theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh trong thời kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
4	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	

14. Định mức tại điểm a, khoản 7, Bước 3 được tính cho 14 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
5	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
6	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.			
a	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	10
b	Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
7	Dự kiến các nguồn thu chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
8	Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	9	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	5	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	4	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tính TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
9	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và bản đồ chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.			
a	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	45	6
b	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề ¹⁵ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	210	28
10	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	24	
11	Xây dựng báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ¹⁶ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	294	
Bước 5	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	90	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	15	

15. Định mức tại điểm b, khoản 9, Bước 4 được tính cho 14 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

16. Định mức tại khoản 11, Bước 4 được tính cho 14 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tính TB)	
			Nội nghệ	Ngoại nghệ
3	Hoàn thiện bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	15	7
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ kế hoạch sử dụng đất sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
5	Dự thảo các văn bản trình duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
6	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất.	1 (1ĐCV2)	2	

1.2. Định mức thiết bị

Bảng số 25

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/tính TB)	
					Nội nghệ	Ngoại nghệ
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phôtô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Hạng mục	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	9,68	24,33
Bước 2	11,85	14,96
Bước 3	27,20	5,34
Bước 4	41,58	47,89
Bước 5	9,69	7,48

1.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 26

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	4.647	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	4.647	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	6.971	
4	Ghế máy tính	Cái	96	6.971	
5	Chuột máy tính	Cái	12	6.971	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Máy tính casio	Cái	60	1.162	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	1.936	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.936	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	6.971	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	12		555
13	Quần áo mưa	Bộ	12		278
14	Ba lô	Cái	24		555
15	Đồng hồ treo tường	Cái	60	1.936	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.936	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	6.971	
18	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	645	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	387	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.936	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	968	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		35
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		35
24	Sạc pin	Cái	12		17,50
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	12		140
26	Máy tính bảng	Cái	60		17,50
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.936	
28	Điện năng	Kw		17.826	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Hạng mục	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	9,68	24,33
Bước 2	11,85	14,96
Bước 3	27,20	5,34
Bước 4	41,58	47,89
Bước 5	9,69	7,48

1.4. Định mức vật liệu

Bảng số 27

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	40	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	30
4	Bút nhớ dòng	Cái		60
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2,34	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,78	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phôi tô	Hộp	32,5	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	166,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	11,69	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Hạng mục	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	9,68	24,33
Bước 2	11,85	14,96
Bước 3	27,20	5,34
Bước 4	41,58	47,89
Bước 5	9,69	7,48

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

2.1. Định mức lao động

2.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa.

a) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện

tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

b) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

c) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.

d) Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung thông tin, tài liệu.

2. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu và lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.

3. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

a) Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.

b) Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

c) Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

4. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất.

a) Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

b) Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

6. Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

8. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông); chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 2. Xây dựng điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Xác định diện tích các loại đất cần điều chỉnh, bổ sung để đưa vào kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 5 năm.

a) Xác định diện tích các loại đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Xác định diện tích các loại đất do cấp tỉnh xác định.

2. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Xác định diện tích các loại đất theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh trong thời kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

4. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ điều chỉnh kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

5. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

6. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

7. Dự kiến các nguồn thu chi từ đất theo điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

8. Xây dựng các giải pháp thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

9. Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và bản đồ chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.

10. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

11. Xây dựng báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.
3. Hoàn thiện bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.
4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất sau hội; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
5. Dự thảo các văn bản trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.
6. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2.1.2. Định mức

Bảng số 28

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
1	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa			
a	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	36	
b	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	34	
c	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định.	4 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 1ĐCV2)	11	6
d	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 2ĐCV3, 2ĐCV2)		11
2	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu và lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	23	
3	Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
a	Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	7	
b	Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	13	
c	Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
4	Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất.			
a	Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	8	
b	Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	8	
5	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
6	Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
7	Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
8	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông) ¹⁷ ; chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	105	
Bước 2	Xây dựng điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
1	Xác định diện tích các loại đất cần điều chỉnh, bổ sung để đưa vào kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 5 năm.			
a	Xác định diện tích các loại đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia trên địa bàn tỉnh.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	5	
b	Xác định diện tích các loại đất do cấp tỉnh xác định.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	6	

17. Định mức tại khoản 8, Bước 1 được tính cho 05 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
2	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	18	
3	Xác định diện tích các loại đất theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh trong thời kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
4	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ điều chỉnh kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
5	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	5	
6	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.			
a	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	6	4
b	Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	5	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
7	Dự kiến các nguồn thu chi từ đất theo điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	2	
8	Xây dựng các giải pháp thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	2	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	2	
9	Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề (gồm: bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và bản đồ chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.			
a	Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	25	4
b	Lập bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề ¹⁸ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	210	28
10	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	14	

18. Định mức tại điểm b, khoản 9, Bước 2 được tính cho 14 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
11	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ¹⁹ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	294	
Bước 3	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
3	Hoàn thiện bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	6 (1ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	8	3
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
5	Dự thảo các văn bản trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	4	
6	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	1 (1ĐCV2)	1	

19. Định mức tại khoản 11, Bước 2 được tính cho 14 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

2.2. Định mức thiết bị

Bảng số 29

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,38	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,38	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1,40	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	2,92	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,56	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	0,93	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	10,83	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	2.800	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	1.458	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	340	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,56	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		156,50
13	Máy phôtô	Cái	96	1,5	3,82	
14	Điện năng	Kw			18.969	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	23,18	21,78
Bước 2	67,90	72,12
Bước 3	8,92	6,10

2.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 30

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	2.450	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	2.450	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	3.675	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
4	Ghế máy tính	Cái	96	3.675	
5	Chuột máy tính	Cái	12	3.675	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Máy tính casio	Cái	60	613	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	1.021	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.021	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	3.675	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	12		313
13	Quần áo mưa	Bộ	12		157
14	Ba lô	Cái	24		313
15	Đồng hồ treo tường	Cái	60	1.021	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.021	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	3.675	
18	Máy hút âm 2 KW	Cái	60	340	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	204	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.021	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	510	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		156,50
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		156,50
24	Sạc pin	Cái	12		78,25
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	12		626
26	Máy tính bảng	Cái	60		78,25
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.021	
28	Điện năng	Kw		9.397	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	23,18	21,78
Bước 2	67,90	72,12
Bước 3	8,92	6,10

2.4. Định mức vật liệu

Bảng số 31

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	29	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	20
4	Bút nhớ dòng	Cái		40
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	10,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2,89	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,96	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phô tô	Hộp	27,5	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	142,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	8,66	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	23,18	21,78
Bước 2	67,90	72,12
Bước 3	8,92	6,10

Chương III**LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN****Mục 1****LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN****1.1. Định mức lao động****1.1.1. Nội dung công việc****Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa**

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

a) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước và tiềm năng đất đai.

b) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.

c) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.

d) Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

2. Điều tra, khảo sát thực địa:

a) Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.

b) Điều tra, khảo sát thực địa.

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

3. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

4. Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.

c) Phân tích hiện trạng môi trường.

d) Đánh giá chung.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- a) Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.
- b) Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.
- c) Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.
- d) Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

đ) Đánh giá chung.

3. Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

a) Nước biển dâng, xâm nhập mặn.

b) Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.

4. Lập bản đồ chuyên đề; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.

5. Xây dựng các báo cáo chuyên đề; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước và tiềm năng đất đai

1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

a) Tình hình thực hiện.

b) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

c) Bài học kinh nghiệm.

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.

a) Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

b) Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước.

c) Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

d) Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.

b) Phân tích, đánh giá kết quả chuyên mục đích sử dụng đất.

c) Phân tích, đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

d) Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

đ) Bài học kinh nghiệm.

4. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai.

- a) Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.
- b) Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.

5. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

6. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề và bản đồ sau hội thảo.

Bước 4. Xây dựng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Xác định định hướng sử dụng đất.

3. Xây dựng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

a) Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch tỉnh phân bổ cho cấp huyện và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã.

c) Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

d) Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại điểm b và điểm c khoản 3, Bước này phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội và môi trường.

a) Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

c) Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

đ) Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.

e) Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

5. Xây dựng các giải pháp thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d) Các giải pháp khác.

6. Xây dựng hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

7. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Bản đồ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực quy hoạch đất trồng lúa, khu vực quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

8. Lập bản đồ chuyên đề (gồm: bản đồ định hướng sử dụng đất; bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị, đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.

9. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 5. Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.

b) Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người có nhu cầu sử dụng đất.

3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

4. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

Đối với công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

7. Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.

8. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

9. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

10. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

11. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sử dụng một trong các loại tài liệu sau đây để thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã:

Đối với các công trình, dự án xây dựng tập trung thì sử dụng hồ sơ, bản vẽ trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết, dự án đầu tư (nếu có).

Đối với các khu vực tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, các khu vực nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà có chuyển mục đích sử dụng đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất còn lại được trích từ bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Đối với các công trình, dự án theo tuyến thì sử dụng các bản đồ định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng tuyến.

c) Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

12. Xây dựng dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm và chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Bước 6. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.
2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.
3. Hoàn thiện hệ thống bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.
4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; hệ thống bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.
5. Lấy ý kiến tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.
 - a) Chuẩn bị hồ sơ lấy ý kiến (hồ sơ gồm: chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, các công trình, dự án thực hiện trong thời kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện).
 - b) Hình thức lấy ý kiến: tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.
 - c) Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
 - d) Chỉnh sửa, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi lấy ý kiến góp ý.
6. Dự thảo các văn bản trình duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.
7. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

1.1.2. Định mức

Bảng số 32

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.			
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước và tiềm năng đất đai.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	18	
b	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
c	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
d	Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	13	
2	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		12
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		3
3	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	32	
4	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
Bước 2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Phân tích hiện trạng môi trường.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiep	Ngoại nghiep
d	Đánh giá chung.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.			
a	Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
c	Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
d	Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
đ	Đánh giá chung.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
3	Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.			
a	Nước biển dâng, xâm nhập mặn.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
4	Lập bản đồ chuyên đề ²⁰ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	40	
5	Xây dựng các báo cáo chuyên đề ²¹ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước và tiềm năng đất đai			
1	Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Tình hình thực hiện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	

20. Định mức tại khoản 4, Bước 2 được tính cho 04 bản đồ chuyên đề (Bản đồ thổ nhưỡng; Bản đồ phân bố dân cư; Bản đồ phân bố các khu công nghiệp và đô thị; Bản đồ cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi)). Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

21. Định mức tại khoản 5, Bước 2 được tính cho 02 báo cáo chuyên đề (Báo cáo chuyên đề đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng cảnh quan môi trường; Báo cáo chuyên đề đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng đất). Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
b	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Bài học kinh nghiệm.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.			
a	Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
d	Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.			
a	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Phân tích, đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
d	Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
đ	Bài học kinh nghiệm.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
4	Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai.			
a	Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
5	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
6	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	ngành; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề và bản đồ sau hội thảo.			
a	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn ²² ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	340	
b	Xây dựng bản đồ kết quả rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	90	10
Bước 4	Xây dựng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
2	Xác định định hướng sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	64	4
3	Xây dựng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch tỉnh phân bổ cho cấp huyện và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	52	12
c	Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	

22. Định mức tại điểm a, khoản 6, Bước 3 được tính cho 17 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
d	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại điểm b và điểm c khoản 3, Bước này phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
đ	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	52	
4	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội và môi trường.			
a	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	33	
b	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
c	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	13	8
d	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
đ	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
e	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
5	Xây dựng các giải pháp thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
d	Các giải pháp khác.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
6	Xây dựng hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	48	
7	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
b	Bản đồ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực quy hoạch đất trồng lúa, khu vực quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	90	10
8	Lập bản đồ chuyên đề (gồm: bản đồ định hướng sử dụng đất; bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn ²³ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	360	
9	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ²⁴ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	340	

23. Định mức tại khoản 8, Bước 4 được tính cho 18 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

24. Định mức tại khoản 9, Bước 4 được tính cho 17 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghệp	Ngoại nghệp
Bước 5	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người có nhu cầu sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
3	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
4	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
5	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.			
a	Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; quy hoạch xây dựng chi tiết, có chủ trương đầu tư đối với các dự án còn lại.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	2

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
c	Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	2
7	Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
8	Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
9	Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
10	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
11	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
b	Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sử dụng một trong các loại tài liệu sau đây để thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã: - Đối với các công trình, dự án xây dựng tập trung thì sử dụng hồ sơ, bản vẽ trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết, dự án đầu tư (nếu có); - Đối với các khu vực tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, các khu vực nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà có chuyển mục đích sử dụng đất và các trường hợp	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	32	8

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghị	Ngoại nghị
	chuyển mục đích sử dụng đất còn lại được trích từ bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; - Đối với các công trình, dự án theo tuyến thì sử dụng các bản đồ định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng tuyến.			
c	Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
12	Xây dựng dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm và chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
Bước 6	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	60	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
3	Hoàn thiện hệ thống bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	5
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; hệ thống bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	27	
5	Lấy ý kiến tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Chuẩn bị hồ sơ lấy ý kiến (hồ sơ gồm: chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, các công trình, dự án thực hiện trong thời kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
b	Hình thức lấy ý kiến: Tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	10

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
d	Chỉnh sửa, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi lấy ý kiến góp ý.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
6	Dự thảo các văn bản trình duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
7	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	1 (1ĐCV1)	1	

1.2. Định mức thiết bị

Bảng số 33

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	0,7	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	0,7	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	0,8	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	4,2	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,1	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	0,8	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	15	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	6.080	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.740	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	715	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	3,13	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		53
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	3	
14	Điện năng	Kw			39.280	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	3,39	16,80
Bước 2	4,52	
Bước 3	25,33	10,50
Bước 4	53,81	40,94
Bước 5	5,91	16,01
Bước 6	7,04	15,75

1.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 34

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	5.149	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	5.149	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	7.724	
4	Ghế máy tính	Cái	96	7.724	
5	Chuột máy tính	Cái	12	7.724	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	3,13	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	3,13	
8	Máy tính casio	Cái	60	1.287	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	2.146	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	2.146	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	7.724	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Cái	36		475
13	Quần áo mưa	Bộ	12		237,50

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
14	Ba lô	Bộ	12		475
15	Đồng hồ treo tường	Cái	24	2.146	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	2.146	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	7.724	
18	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	715,33	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	429	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	2.146	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	1.073	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		237,50
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		237,50
24	Sạc pin	Cái	60		118,75
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	60		950
26	Máy tính bảng	Cái	60		237,50
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	2.146	
28	Điện năng	Kw		19.766	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	3,39	16,80
Bước 2	4,52	
Bước 3	25,33	10,50
Bước 4	53,81	40,94
Bước 5	5,91	16,01
Bước 6	7,04	15,75

1.4. Định mức vật liệu

Bảng số 35

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	47	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		45
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
8	Mực in màu A4	Hộp	4	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
15	Mực phôi tô	Hộp	23	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		94
17	Giấy A3	Gram	8	
18	Giấy A4	Gram	130	
19	Giấy in A0	Cuộn	12	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	3,39	16,80
Bước 2	4,52	
Bước 3	25,33	10,50
Bước 4	53,81	40,94
Bước 5	5,91	16,01
Bước 6	7,04	15,75

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

2.1. Định mức lao động

2.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.

a) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và tiềm năng đất đai.

b) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.

c) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định.

d) Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

2. Điều tra, khảo sát thực địa.

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát điều chỉnh, bổ sung thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.

b) Điều tra, khảo sát thực địa.

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều chỉnh, bổ sung thực địa.

3. Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

4. Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.

5. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

a) Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.

b) Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

c) Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

6. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất.

a) Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà

nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.

7. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

8. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

9. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu cấp huyện; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề, bản đồ sau hội thảo.

Bước 2. Xây dựng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Xác định diện tích các loại đất cần điều chỉnh, bổ sung để đưa vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

a) Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch tỉnh phân bổ cho cấp huyện và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã.

c) Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

d) Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại điểm b và điểm c khoản 1, Bước này phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

2. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Xác định định hướng sử dụng đất.

4. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội và môi trường.

a) Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

c) Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với

việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

đ) Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.

e) Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

5. Xây dựng các giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d) Các giải pháp khác.

6. Xây dựng hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

7. Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Bản đồ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực quy hoạch đất trồng lúa, khu vực quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

8. Lập bản đồ chuyên đề (gồm: bản đồ định hướng sử dụng đất; bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị, đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.

9. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.

b) Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người có nhu cầu sử dụng đất.

3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

4. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch:

Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

Đối với công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

7. Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.

8. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

9. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

10. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

11. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sử dụng một trong các loại tài liệu sau đây để thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã:

Đối với các công trình, dự án xây dựng tập trung thì sử dụng hồ sơ, bản vẽ trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết, dự án đầu tư (nếu có).

Đối với các khu vực tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, các khu vực nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà có chuyển mục đích sử dụng đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất còn lại được trích từ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Đối với các công trình, dự án theo tuyến thì sử dụng các bản đồ định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng tuyến.

c) Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

12. Xây dựng dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Bước 4. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan

1. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

3. Hoàn thiện hệ thống bản đồ điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; hệ thống bản đồ điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

5. Lấy ý kiến tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

a) Chuẩn bị hồ sơ lấy ý kiến (hồ sơ gồm: chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, các công trình, dự án thực hiện trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện).

b) Hình thức lấy ý kiến: tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Chính sửa, hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi lấy ý kiến góp ý.

6. Dự thảo các văn bản trình duyệt điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

7. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2.1.2. Định mức

Bảng số 36

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghệp	Ngoại nghệp
Bước 1	Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất			
1	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu.			
a	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và tiềm năng đất đai.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
b	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
c	Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	4	16
d	Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát điều chỉnh, bổ sung thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		12
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều chỉnh, bổ sung thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		3
3	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	16	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
4	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
5	Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.			
a	Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
b	Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
c	Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất; biến động sử dụng đất.			
a	Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
b	Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
7	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
8	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
9	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu cấp huyện; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề, bản đồ sau hội thảo.			
a	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	255	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghệ	Ngoại nghệ
	nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ²⁵ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.			
b	Xây dựng bản đồ kết quả rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu cấp huyện; chỉnh sửa bản đồ sau hội thảo.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	68	10
Bước 2	Xây dựng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Xác định diện tích các loại đất cần điều chỉnh, bổ sung để đưa vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
b	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch tỉnh phân bổ cho cấp huyện và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	36	6
c	Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	6
d	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại điểm b và điểm c khoản 1, Bước này phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
đ	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	26	
2	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
3	Xác định định hướng sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	32	2
4	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội và môi trường.			
a	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
b	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	

25. Định mức tại điểm a, khoản 9, Bước 1 được tính cho 17 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghệ	Ngoại nghệ
c	Đánh tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	2
d	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
đ	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
e	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
5	Xây dựng các giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
d	Các giải pháp khác.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Xây dựng hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	48	
7	Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
b	Bản đồ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực quy hoạch đất trồng lúa, khu vực quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	68	10
8	Lập bản đồ chuyên đề (gồm: bản đồ định hướng sử dụng đất; bản đồ chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	180	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ²⁶ ; chỉnh sửa bản đồ chuyên đề sau hội thảo.			
9	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ²⁷ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	340	
Bước 3	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người có nhu cầu sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
3	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	

26. Định mức tại khoản 8, Bước 2 được tính cho 18 bản đồ chuyên đề. Khi số bản đồ chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

27. Định mức tại khoản 9, Bước 2 được tính cho 17 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghệ	Ngoại nghệ
4	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
5	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.			
a	Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Đối với công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	2
c	Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	2
7	Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
8	Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
9	Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
10	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghệ	Ngoại nghệ
11	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
b	Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sử dụng một trong các loại tài liệu sau đây để thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã: - Đối với các công trình, dự án xây dựng tập trung thì sử dụng hồ sơ, bản vẽ trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết, dự án đầu tư (nếu có); - Đối với các khu vực tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, các khu vực nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà có chuyển mục đích sử dụng đất được trích từ bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; - Đối với các công trình, dự án theo tuyến thì sử dụng các bản đồ định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng tuyến.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	32	8
c	Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
12	Xây dựng dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu kế hoạch sử dụng đất sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
Bước 4	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan			
1	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
2	Hoàn thiện hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
3	Hoàn thiện hệ thống bản đồ điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	5

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp; hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ; hệ thống bản đồ điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sau hội thảo; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	24	
5	Lấy ý kiến tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Chuẩn bị hồ sơ lấy ý kiến (hồ sơ gồm: chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, các công trình, dự án thực hiện trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
b	Hình thức lấy ý kiến: tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	10
d	Chỉnh sửa, hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi lấy ý kiến góp ý.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
6	Dự thảo các văn bản trình duyệt điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
7	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	1 (1ĐCV1)	1	

2.2. Định mức thiết bị

Bảng số 37

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	0,7	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	0,7	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1,0	

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3,0	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,0	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1,0	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	15	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	4.438	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	1.566	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	498	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	3,13	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		246
13	Máy phôtô	Cái	96	1,5	3	
14	Điện năng	Kw			26.990	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Hạng mục	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	27,00	38,96
Bước 2	56,98	30,05
Bước 3	8,49	15,62
Bước 4	7,53	15,37

2.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 38

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	3.585	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	3.585	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	5.377	
4	Ghế máy tính	Cái	96	5.377	
5	Chuột máy tính	Cái	12	5.377	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	3,13	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	3,13	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
8	Máy tính casio	Cái	60	896	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	1.494	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.494	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	5.377	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Cái	36		491
13	Quần áo mưa	Bộ	12		245,5
14	Ba lô	Bộ	12		491
15	Đồng hồ treo tường	Cái	24	1.494	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	1.494	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	5.377	
18	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	498	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	299	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.494	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	747	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		245,50
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		245,50
24	Sạc pin	Cái	60		122,75
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	60		982
26	Máy tính bảng	Cái	60		245,50
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.494	
28	Điện năng	Kw		13.765	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Hạng mục	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	27,00	38,96
Bước 2	56,98	30,05
Bước 3	8,49	15,62
Bước 4	7,53	15,37

2.4. Định mức vật liệu

Bảng số 39

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	47	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		45
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12	
8	Mực in màu A4	Hộp	4	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
15	Mực phô tô	Hộp	23	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		94
17	Giấy A3	Gram	8	
18	Giấy A4	Gram	124	
19	Giấy in A0	Cuộn	12	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Hạng mục	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	27,00	38,96
Bước 2	56,98	30,05
Bước 3	8,49	15,62
Bước 4	7,53	15,37

Mục 3

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM CẤP HUYỆN²⁸

3.1. Định mức lao động

3.1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

a) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

b) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.

c) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định.

d) Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

2. Điều tra, khảo sát thực địa.

a) Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.

b) Điều tra, khảo sát thực địa.

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

3) Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

4) Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

1. Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

2. Phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

4. Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông;

28. Định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm các quận đã có quy hoạch đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và Định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện trong trường hợp quy hoạch sử dụng đất chưa được phê duyệt được thực hiện định mức quy định tại mục này.

đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện năm trước; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm.

a) Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.

b) Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người có nhu cầu sử dụng đất.

3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

4. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch:

Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

Đối với công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

7. Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.

8. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

9. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

10. Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

11. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sử dụng một trong các loại tài liệu sau đây để thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã:

Đối với các công trình, dự án xây dựng tập trung thì sử dụng hồ sơ, bản vẽ trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết, dự án đầu tư (nếu có);

Đối với các khu vực tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, các khu vực nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà có chuyển mục đích sử dụng đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất còn lại được trích từ bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

Đối với các công trình, dự án theo tuyến thì sử dụng các bản đồ định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng tuyến.

c) Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

12. Xây dựng dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

13. Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

3.1.2. Định mức

Bảng số 40

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.			
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
b	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	5	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
c	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp xác định.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	8	16
d	Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
2	Điều tra, khảo sát thực địa.			
a	Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		12
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		3
3	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
4	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
Bước 2	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước			
1	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	24	8
2	Phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
4	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn); bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (năm trước); chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
a	Xây dựng các báo cáo chuyên đề (gồm: chuyên đề về đất trồng lúa; 3 loại đất rừng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn) ²⁹ ; chỉnh sửa báo cáo chuyên đề sau hội thảo.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	153	
b	Xây dựng bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (năm trước).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	32	8
Bước 3	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện			
1	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người có nhu cầu sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
3	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	

29. Định mức tại điểm a, khoản 4, Bước 2 được tính cho 17 báo cáo chuyên đề. Khi số báo cáo chuyên đề thay đổi thì tính lại theo phương pháp nội suy.

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
4	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
5	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.			
a	Đối với các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Đối với công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	2
c	Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	2
7	Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
8	Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
9	Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
10	Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
11	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện gồm:			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	32	8
b	Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sử dụng một trong các loại tài liệu sau đây để thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.			
c	Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
12	Xây dựng dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
13	Nhân sao hồ sơ, tài liệu phục vụ trình duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.	1 (1ĐCV1)	3	

3.2. Định mức thiết bị

Bảng số 41

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	1,0	
2	Máy in A4	Cái	60	0,35	2,0	
3	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1,0	
4	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	13,8	
5	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	1.238	
6	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	240	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	128	
8	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	1,88	

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
9	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		154
10	Máy phô tô	Cái	96	1,5	1,74	
11	Điện năng	Kw			6.800	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	10,66	45,99
Bước 2	56,13	28,99
Bước 3	33,21	25,02

3.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 42

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	921	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	921	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	1.382	
4	Ghế máy tính	Cái	96	1.382	
5	Chuột máy tính	Cái	12	1.382	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	1,88	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	1,88	
8	Máy tính casio	Cái	60	230	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	384	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	384	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	1.382	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Cái	36		308
13	Quần áo mưa	Bộ	12		154
14	Ba lô	Bộ	12		308
15	Đồng hồ treo tường	Cái	24	384	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	384	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	1.382	
18	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	128	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	77	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	384	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	192	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		154
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		154
24	Sạc pin	Cái	60		77
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	60		616
26	Máy tính bảng	Cái	60		154
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	384	
28	Điện năng	Kw		3.540	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	10,66	45,99
Bước 2	56,13	28,99
Bước 3	33,21	25,02

3.4. Định mức vật liệu

Bảng số 43

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	31	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		18
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	8	
8	Mực in màu A4	Hộp	1	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
14	Mực phôi tô	Hộp	13	
15	Sổ ghi chép	Cuốn		94
16	Giấy A3	Gram	8	
17	Giấy A4	Gram	70	
18	Giấy in A0	Cuộn	11	
19	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	10,66	45,99
Bước 2	56,13	28,99
Bước 3	33,21	25,02

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân